

BẢO ĐẢM SỰ CẦN THIẾT ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM

TRƯƠNG NAM TRUNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh National Academy of Politics

Email: tntrung99@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/8/2026

Ngày sửa bài: 5/9/2026

Ngày duyệt đăng bài: 16/9/2026

Tóm tắt:

Bài viết làm rõ cơ sở lý luận và đề xuất định hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) độc lập, tự chủ ở Việt Nam dưới góc độ kinh tế chính trị. Nghiên cứu sử dụng phương pháp trừu tượng hóa khoa học, kết hợp phân tích và tổng hợp tài liệu. Kết quả cho thấy, đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ là yêu cầu khách quan gắn với sự phát triển của lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất phát triển lực lượng sản xuất dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất về sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối.

Từ khóa: công nghiệp hóa, hiện đại hóa, độc lập, tự chủ, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất

The necessity of accelerating independent and self-reliant industrialization and modernization in Vietnam

Abstract:

This study clarifies the theoretical foundations and proposes directions for accelerating independent and self-reliant industrialization and modernization in Vietnam from a political-economy perspective. The study employs scientific abstraction together with document analysis and synthesis. The findings indicate that accelerating independent and self-reliant industrialization and modernization constitutes an objective requirement associated with the development of the productive forces and the improvement of relations of production. On this basis, the study proposes developing the productive forces through science, technology, innovation, and digital transformation, while simultaneously improving relations of production in terms of ownership, management organization, and distribution. These directions are intended to contribute to Vietnam's objectives of becoming a developing country with modern industry and upper-middle income by 2030 and a developed, high-income country by 2045.

Keywords: industrialization, modernization, independence and self-reliance, productive forces, relations of production

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn hiện nay, xu hướng bảo hộ gia tăng, thương mại toàn cầu chịu tác động mạnh từ xung đột địa chính trị, phân mảnh chuỗi cung ứng và Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến các nền kinh tế trên thế giới. Kinh tế Việt Nam năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm 2024, trong đó xuất khẩu tăng 17% và nhập khẩu tăng 19,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỷ USD (TTXCN/Vietnam+, 2025). Tuy nhiên, tăng trưởng còn phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI chiếm hơn 72% kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam (Thái Bình, 2025), chủ yếu nhập khẩu máy móc, linh kiện, nguyên liệu, và nằm ở công đoạn giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu (Phan Hữu Thắng, 2024). Để thực hiện tăng trưởng nhanh, bền vững, tránh “bẫy thu nhập trung bình” (Nhĩ Anh, 2025). Đại hội XIV khẳng định năng lực độc lập, tự chủ và mục tiêu CNH, HĐH: “tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Vì vậy, bài viết đáp ứng yêu cầu cả về mặt lý luận, thực tiễn, tính thời sự của vấn đề cần nghiên cứu.

Các nghiên cứu hiện có chưa tiếp cận một cách hệ thống vấn đề CNH, HĐH độc lập, tự chủ từ góc độ kinh tế chính trị. Từ khoảng trống đó, bài viết hướng đến ba mục tiêu: (i) khái quát cơ sở lý luận về CNH, HĐH độc lập, tự chủ; (ii) làm rõ sự cần thiết đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam; và (iii) đề xuất các định hướng phát triển LLSX mới, hoàn thiện QHSX mới nhằm thúc đẩy quá trình CNH, HĐH độc lập, tự chủ. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp luận cứ cho nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị và gợi mở hoàn thiện thể chế ở Việt Nam.

Bài viết góp phần bổ sung bổ sung khung phân tích Kinh tế chính trị về CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam. Nghiên cứu cũng cung cấp luận cứ khoa học nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam. Nghiên cứu cũng có tính thời sự khi gắn với thực tiễn trong giai đoạn hiện nay nhằm thực hiện mục tiêu CNH, HĐH đến năm 2045 mà Văn kiện Đại hội XIV đã đề ra.

2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; sử dụng chủ yếu phương pháp trừu tượng hóa khoa học của Kinh tế chính trị Mác - Lênin nhằm khái quát cơ sở lý luận về CNH, HĐH và định hướng bảo đảm sự cần thiết đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam; đồng thời kết hợp với phương pháp tổng hợp tài liệu thứ cấp, thu thập số liệu, tư liệu để trình bày tính cấp thiết.

3. Khái quát cơ sở lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

3.1. Quan điểm Mác - Lênin về công nghiệp hóa

CNH phải được xem xét trong quá trình tái sản xuất xã hội. Xã hội không thể ngừng tiêu dùng nên không thể ngừng sản xuất. Tái sản xuất là quá trình sản xuất được lặp lại thường xuyên và phục hồi không ngừng. C.Mác chỉ rõ: bất kỳ một xã hội nào, muốn tồn tại, đều phải sản xuất và tái sản xuất liên tục các điều kiện vật chất của đời sống. Lý thuyết về tái sản xuất của tổng tư bản xã hội của C. Mác đã chứng minh toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội thông qua 2 khu vực: “Toàn bộ sản phẩm xã hội, do đó cả toàn bộ sản xuất xã hội, cũng phân thành 2 khu vực lớn: I. Tư liệu sản xuất, tức là những hàng hóa có một hình thái khiến cho chúng phải - hay ít ra cũng có thể - đi vào tiêu dùng sản xuất. II. Vật phẩm tiêu dùng, tức là những hàng hóa có một hình thái khiến cho chúng đi vào tiêu dùng... Tổng tư bản dùng trong mỗi một ngành sản xuất đó hình thành một khu vực lớn, đặc thù của tư bản xã hội” (C.Mác và Ăngghen, tập 24).

Lý thuyết về tái sản xuất của tổng tư bản xã hội của C. Mác đã khẳng định tầm quan trọng phải quan tâm, ưu tiên phát triển “Khu vực I - Tư liệu sản xuất” trong quá trình tái sản xuất xã hội. Khu vực này

tương ứng với vai trò của công nghiệp chế tạo, máy móc, nguyên vật liệu - các ngành công nghiệp nền tảng để thực hiện CNH đất nước (Trương Nam Trung, 2024).

Quan điểm của V.I.Lênin về CNH, V.I.Lênin đã phân tích các nước tư bản, đánh giá thực tiễn và được kiểm chứng trong quá trình lãnh đạo CNH ở nước Nga xô-viết, Người chỉ rõ: Điện khí hóa đất nước là con đường duy nhất đúng và ngắn nhất để biến một nước bị tàn phá và lạc hậu thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa công nghiệp giàu mạnh. Cùng với thực hiện kế hoạch điện khí hóa là phát triển công nghiệp nặng nhằm tạo ra tư liệu sản xuất, máy móc, nguyên vật liệu cho CNH, V.I.Lênin chỉ rõ: “Phải làm như thế vì chúng tôi biết, nếu không cứu vãn được công nghiệp nặng, nếu không khôi phục được công nghiệp nặng, thì chúng tôi sẽ không thể xây dựng được công nghiệp nào cả, và nếu không có công nghiệp, thì nói chung, chúng tôi sẽ diệt vong, không còn là một nước độc lập nữa. Điều đó, chúng tôi biết rõ lắm” (V.I.Lênin, tập 45). Trong điều kiện nước Nga xô-viết thực hiện kế hoạch điện khí hóa toàn quốc gắn với phát triển công nghiệp nặng là điều kiện tiên quyết để CNH độc lập, tự chủ, không lệ thuộc vào bên ngoài về tư liệu sản xuất.

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa

Trong bài báo Thế nào là CNH với bút danh C.K đăng trên báo Nhân dân ngày 22/01/1960, Hồ Chí Minh định nghĩa công nghiệp nặng một cách đơn giản và đầy đủ: các ngành công nghiệp làm ra máy móc, gang thép, than, hóa chất,... gọi chung là công nghiệp nặng. Người khẳng định vai trò của công nghiệp nặng để có nền kinh tế tự chủ: “công nghiệp nặng là đầu mối để mở mang các ngành công nghiệp khác và cung cấp máy móc cho nông nghiệp. Cho nên, chưa có công nghiệp nặng thì chưa thể có một nền kinh tế tự chủ và giàu mạnh được” (Hồ Chí Minh, 1960).

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò công nghiệp nặng, Người đã đặt cụm từ công nghiệp nặng bên cạnh cụm từ CNH như khái niệm đồng nhất, đó là: “Muốn đảm bảo đời sống sung sướng mãi mãi, phải CNH xã hội chủ nghĩa, phải xây dựng công nghiệp nặng” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 10). Người nhấn mạnh: “công nghiệp nặng làm cơ sở cho nền kinh tế độc lập” và khẳng định cơ cấu kinh tế hợp lý, làm cơ sở cho nền kinh tế độc lập khi trả lời phỏng vấn báo Nhật báo công nhân: “Từ ngày được giải phóng, sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đã ra sức phát triển nông nghiệp, giải quyết được vấn đề lương thực, phát triển công nghiệp nhẹ, tự cung cấp được phần lớn hàng tiêu dùng và bước đầu xây dựng công nghiệp nặng làm cơ sở cho nền kinh tế độc lập của chúng tôi” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 11).

3.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa độc lập, tự chủ

Quan điểm phát triển nền kinh tế hay CNH, HĐH độc lập, tự chủ, đã được Đảng ta khẳng định qua các kỳ Đại hội. Đại hội XIII khẳng định: “Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Đại hội XIV khẳng định: “Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và thực tiễn CNH, HĐH đất nước hiện nay yêu cầu cần phải “phát huy tự chủ chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Như vậy, đặc trưng CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam thể hiện quyền tự chủ, tự quyết và kiên định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam; cùng với lý luận về đường lối Đổi mới và CNH, HĐH của Đảng Cộng sản Việt Nam, Việt Nam có quyền tự quyết đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ; có quyền chủ động lựa chọn mô hình, chiến lược phù hợp với điều kiện, lợi ích quốc gia và mục tiêu đã đề ra; có quyền khẳng định năng lực công nghệ nội sinh làm nền tảng, tránh “phụ thuộc” vào gia công, thâm dụng lao động, giá trị gia tăng thấp; không tiếp

nhận thụ động, rập khuôn, áp đặt kinh nghiệm từ bên ngoài. CNH, HĐH độc lập, tự chủ cần dựa trên nền tảng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển nhanh và bền vững, hướng tới mục tiêu trở thành nước trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Cơ sở lý luận trên là những luận cứ quan trọng để đề xuất định hướng bảo đảm “sự cần thiết đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam”, (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026).

4. Định hướng để bảo đảm sự cần thiết đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa độc lập, tự chủ ở Việt Nam

4.1. Phát triển lực lượng sản xuất mới nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, độc lập, tự chủ

CNH, HĐH thể hiện trình độ xã hội hóa của LLSX và cách mạng trong kinh tế, không chỉ làm cho trình độ của LLSX thay đổi, mà còn làm cho cơ cấu nền kinh tế biến đổi nhanh chóng thúc đẩy việc xuất hiện những kiểu tổ chức kinh tế mới liên tiếp ra đời. Xã hội hóa sản xuất thể hiện ở nhiều mặt của nền kinh tế như: xã hội hóa sản phẩm, xã hội hóa sức lao động, xã hội hóa tài sản và “bảo đảm quyền tài sản” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Trong sự phát triển của LLSX, trình độ xã hội hóa được thể hiện ở việc phân công lao động mở rộng và chuyên môn hóa sản xuất ngày càng sâu sắc, không chỉ phạm vi quốc gia, mà còn mở rộng ra toàn thế giới, làm cho cơ cấu ngành sản xuất của các nước hòa nhập vào nhau tạo ra một nền kinh tế quốc tế có mối liên hệ chặt chẽ như một chỉnh thể. Phân công lao động quốc tế không chỉ theo ngành, phân ngành, mà còn phát triển theo chi tiết sản phẩm, từ đó hình thành ra một kiểu tổ chức “mạng sản xuất toàn cầu” theo cấu kiện và chi tiết sản phẩm tiêu chuẩn hóa trải rộng khắp thế giới (Trương Nam Trung, 2022). Như vậy, đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam là tất yếu khách quan theo quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX mới.

4.2. Hoàn thiện quan hệ sản xuất mới phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất mới

Thứ nhất, hoàn thiện quan hệ sở hữu

Quan hệ sở hữu đang biến đổi theo xu hướng ngày càng coi trọng yếu tố xã hội. Đối tượng sở hữu bao gồm cả tài sản hữu hình và tài sản vô hình. Sở hữu tài sản vô hình: thông tin, tri thức, nguồn tài nguyên trí lực, công nghiệp sáng tạo, dữ liệu, bằng sáng chế, nhãn hiệu, bản quyền, bí mật kinh doanh, tài sản trên không gian mạng... Chủ thể sở hữu trong kinh tế bao gồm: nhà nước, tập thể, tư nhân, cổ phần, hỗn hợp, công ty đa quốc gia, tổ chức quốc tế... Các hình thức sở hữu này vừa tồn tại độc lập, vừa có thể đan kết vào nhau dưới các hình thức kinh tế hỗn hợp.

Quan hệ sở hữu gắn liền với quyền tài sản, quyền tài sản tạo động lực cho hoạt động kinh tế đã mặc nhiên được thừa nhận trong nền kinh tế thị trường. Như vậy, cần xây dựng và hoàn thiện các nguyên tắc trong quan hệ về quyền của chủ sở hữu đối với các tài sản vô hình, tránh lãng phí nguồn lực. Cần nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo vệ dữ liệu và các tài sản kỹ thuật số khác; chống các tiêu cực như phá hoại, chia cắt, ngăn trở việc sáng tạo và sử dụng các dữ liệu và các tài sản kỹ thuật số, (Trương Nam Trung, 2022).

Từ Đại hội IX đến nay, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế là một trong các đặc trưng CNH, HĐH trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Đảng ta đã khẳng định: “phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia; kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Nhà nước đã thể chế hóa quan điểm và chủ trương của Đảng trong khung khổ pháp luật và chính sách theo hướng thừa nhận về mặt pháp lý quyền sở hữu tài sản và bảo đảm trên thực tế việc thực hiện quyền đó của mọi công dân không phân biệt hình thức sở hữu, khuyến khích họ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó, yêu cầu hoàn thiện thể chế sở hữu bảo đảm quyền tài sản

trở thành nguồn lực quan trọng cho CNH, HĐH, tôn trọng, đẩy mạnh cấp quyền tài sản và bảo vệ sở hữu của công dân, doanh nghiệp về tài sản, tư liệu sản xuất, kể cả tài sản trí tuệ, công nghệ, dữ liệu, phát minh, sáng chế, bản quyền... nhằm phát triển hệ sinh thái công nghệ, thương hiệu, chuỗi giá trị sản phẩm Việt.

Thứ hai, hoàn thiện quan hệ tổ chức quản lý

Hiện nay, cùng với quan hệ tổ chức quản lý hiện có, quan hệ tổ chức quản lý và lưu thông còn có sự tham gia rất rộng của cộng đồng (mạng xã hội) và quan hệ lao động đang chuyển từ hợp đồng cố định sang hợp đồng linh hoạt (hợp đồng biểu diễn). Người lao động có quyền lựa chọn công việc mà mình thích, có quyền tự do về vị trí công việc; lao động linh hoạt, có thể lựa chọn về thời gian dành cho công việc. Các quan hệ đó tạo cho người lao động tự do, tự chủ tham gia vào nền sản xuất với trách nhiệm và tính kỷ luật cao hơn. Yêu cầu về hoàn thiện thể chế tổ chức quản lý theo hướng Nhà nước kiến tạo, phục vụ phát triển, chuyển từ vai trò quản lý hành chính sang vai trò phục vụ, đây còn là quá trình vận hành đề khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực thúc đẩy LLSX trực tiếp. Trong xây dựng và hoàn thiện quan hệ tổ chức - quản lý cần tập trung: i) tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý từ đầu tư, bảo mật, quyền riêng tư của các chủ thể khi tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội, tạo niềm tin cho nhà đầu tư trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; ii) vai trò nhà nước là “bà đỡ” tạo không gian thử nghiệm đi đôi với hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, cùng với tư nhân đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và kỹ thuật là động lực cho phát triển; iii) khuyến khích các tập đoàn kinh tế chú trọng phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cung cấp các sản phẩm phụ tùng linh kiện cho doanh nghiệp trong nước (Trương Nam Trung, 2022), vai trò của tập đoàn cần liên kết doanh nghiệp nhỏ và vừa hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ nội địa, đây là con đường thực chất để chuyển hóa giá trị “làm chủ sức sản xuất” của doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam.

Thứ ba, hoàn thiện quan hệ phân phối

Theo các quan hệ sở hữu và tổ chức quản lý, hoàn thiện quan hệ phân phối hiện nay ở nước ta, nguyên tắc phân phối thích hợp nhất không phải chỉ là phân phối theo lao động, mà là sự kết hợp giữa các hình thức phân phối theo lao động, theo hiệu quả kinh tế với phân phối theo mức đóng góp vốn, tài nguyên, công nghệ và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội; thực hiện phân phối các yếu tố sản xuất, cần phải kết hợp cơ chế thị trường với vai trò điều tiết của Nhà nước để phân phối các yếu tố này hợp lý nhằm phát huy tối đa và sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực của xã hội cho phát triển.

Tập trung hoàn thiện quan hệ phân phối theo hướng: i) quan hệ phân phối phải tạo được động lực kinh tế để huy động mọi nguồn lực vào quá trình sản xuất kinh doanh, phải phát huy được tính chủ động sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi chủ thể trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại; ii) bảo đảm điều kiện cho những động lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, hoàn thiện quan hệ phân phối, chính sách phân phối theo hướng phải tạo tích lũy và nâng cao hiệu quả đầu tư xã hội. Trước hết, cần phải tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tích lũy để thực hiện tái sản xuất mở rộng. Chính sách thuế và mọi chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân phải nhằm mục tiêu “đất nước giàu có lên từ các doanh nghiệp”. Tạo điều kiện cho tích lũy mở rộng sản xuất và sự giàu có ở doanh nghiệp của người Việt cũng đồng thời là tạo điều kiện để tăng thu cho ngân sách Nhà nước; iii) thu hút các nguồn lực của xã hội và hình thành cơ chế tái phân phối hợp lý, hiệu quả, nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách để giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội, nâng cao phồn vinh và phúc lợi xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; iv) cùng với việc hoàn thiện quan hệ phân phối đối với đầu ra của quá trình sản xuất, cần coi trọng hoàn thiện phân phối các nguồn lực, các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất. Việc phân phối các yếu tố nguồn lực theo hướng lấy tiêu chuẩn thiết thực, hiệu quả làm căn cứ phân phối (Trương Nam Trung, 2022). Hoàn thiện quan hệ phân phối là động lực đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam.

5. Kết luận

Bài viết góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về CNH, HĐH. Đây là cơ sở lý luận nhằm định hướng để bảo đảm sự cần thiết đẩy mạnh CNH, HĐH độc lập, tự chủ ở Việt Nam, với cách tiếp cận Kinh tế chính trị về phát triển LLSX mới dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và hoàn thiện QHSX mới, thể hiện tính tất yếu khách quan của quy luật QHSX phù hợp với sự phát triển của LLSX trong Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Đó là quy luật khách quan và phản ánh sự tiến hóa của nền sản xuất xã hội (C.Mác và Ăngghen, tập 4), không thể đảo ngược. CNH, HĐH độc lập, tự chủ là con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, không nằm ngoài dòng chảy của xu hướng thời đại và đây chính là sự vận động theo quy luật phát triển tự nhiên của lịch sử. Đây là những luận cứ khoa học có thể bổ sung cho việc nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị; đồng thời hàm chứa và gợi mở cho việc kiên định thực hiện các chiến lược kinh tế - xã hội và hoàn thiện thể chế về quan hệ sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối nhằm thúc đẩy CNH, HĐH để đạt được mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 trên nền tảng độc lập, tự chủ và xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- C.K (1960). Con đường phía trước. Báo Nhân dân, <https://hochiminh.nhandan.vn/con-duong-phia-truoc-328.html>
- C. Mác và Ph.Ăngghen. (1994). Toàn tập, tập 24, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr 579.
- C.Mác và Ph.Ăngghen. (1995). Toàn tập, Tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 613.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.I, tr.135.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.I, tr.84; t.I, tr.84; t.II, tr.45; t.I, tr.26, 30; t.I, tr.147; t.I, tr.31; t.I, tr.31, Nghị quyết số 68-NQ/TW ban hành ngày 04/5/2025, của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế tư nhân.
- Hồ Chí Minh. (2002). Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập.10, tr.159; tập 11, tr.459.
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. (2024). Trương Nam Trung chủ nhiệm đề tài khoa học cơ sở “Lý thuyết của C. Mác về vai trò của khu vực sản xuất tư liệu sản xuất và gợi suy về hoàn thiện thể chế phát triển công nghiệp chế tạo tại Việt Nam”.
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. (2026). Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Cao cấp lý luận chính trị), Nxb. Lý luận chính trị.
- Nhĩ Anh. (2025). Cách nào vượt qua “thung lũng chết”, tránh bẫy thu nhập trung bình?. Báo điện tử Vneconomy. <https://vneconomy.vn/cach-nao-vuot-qua-thung-lung-chet-tranh-bay-thu-nhap-trung-binh.htm>.
- Phan Hữu Thắng. (2024). Nguyên Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nay là Bộ Tài chính), Vào chuỗi toàn cầu, Việt Nam vẫn ở “đáy” giá trị. Tạp chí điện tử Kinh Doanh. <https://vnbusiness.vn/vao-chuoi-toan-cau-viet-nam-van-o-day-gia-tri.htm>.
- Thái Bình. (2025). Doanh nghiệp FDI chiếm hơn 72% kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam. Tạp chí Kinh tế - Tài chính. <https://thuehaiquan.tapchikinhthetachinh.vn/doanh-nghiep-fdi-chiem-hon-72-kim-ngach-xuat-nhap-khau-cua-viet-nam-102361.html>.
- Trương Nam Trung (chủ biên sách chuyên khảo). (2022). Kinh tế chính trị học trong điều kiện phát triển kinh tế số: lý luận và thực tiễn. Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
- TTXCN/Vietnam+. (2025). Năm 2025: Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt hơn 930 tỷ USD. VietnamPlus, TTXVN. <https://www.vietnamplus.vn/nam-2025-kim-ngach-xuat-nhap-khau-dat-hon-930-ty-usd-post1086869.vnp>.
- V.I. Lênin. (2006). Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t45: tr. 334.